

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo ngày 24/7/2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc dự án BOT giao thông.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông được ký kết trước ngày 01/01/2021, bao gồm:

a) Điều 99a Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 2 Luật số 90/2025/QH15) về xử lý vướng mắc giảm doanh thu của các dự án BOT giao thông.

b) Điều 52 Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 và khoản 22 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15) về chấm dứt hợp đồng trước thời hạn dự án BOT giao thông.

2. Đối với các dự án PPP khác thực hiện theo quy định của Chính phủ về quy

định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các bên bao gồm: Cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.
2. Cơ quan được giao quản lý vốn nhà nước trong dự án PPP là cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc được cơ quan có thẩm quyền ủy quyền hoặc giao quản lý phần vốn nhà nước trong dự án PPP.
3. Dự án BOT giao thông là dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT.

Chương II

XỬ LÝ VƯỚNG MẮC GIẢM DOANH THU CỦA CÁC DỰ ÁN BOT GIAO THÔNG ĐƯỢC KÝ KẾT TRƯỚC NGÀY 01/01/2020

Điều 4. Điều kiện chia sẻ phần giảm doanh thu

Đối với dự án BOT trong lĩnh vực đường bộ, việc chia sẻ phần giảm doanh thu được áp dụng khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 99a Luật PPP, cụ thể như sau:

1. Phương án tài chính dự án PPP được xác định không bảo đảm hiệu quả theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 99a Luật PPP khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án cần điều chỉnh giảm số lượng trạm thu phí so với quyết định phê duyệt dự án để phù hợp với chính sách, pháp luật có liên quan, bảo đảm lợi ích của người sử dụng dịch vụ.

b) Phương án tài chính sau khi áp dụng các biện pháp điều chỉnh theo quy định của pháp luật, tính toán điều chỉnh mức phí sử dụng dịch vụ đường bộ nhưng doanh thu không đủ chi trả chi phí quản lý khai thác và bảo trì công trình dự án, chi phí trả nợ gốc vay và lãi vay theo phương án tài chính tại hợp đồng dự án.

c) Phương án tài chính sau khi áp dụng các biện pháp điều chỉnh theo quy định của pháp luật, tính toán điều chỉnh mức phí sử dụng dịch vụ đường bộ có thời gian thu phí hoàn vốn trên 50 năm.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng đã đàm phán với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 99a Luật PPP về các nội dung sau:

a) Xác định mức giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, lãi suất vốn vay, điều chỉnh phương án trả nợ trong phương án tài chính theo quy định tại

khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

b) Tính toán phương án tài chính điều chỉnh bảo đảm khả thi sau khi cập nhật tỷ lệ, mức vốn nhà nước chia sẻ phần giảm doanh thu quy định tại Điều 5 Nghị định này, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, lãi suất vốn vay, điều chỉnh phương án trả nợ quy định tại điểm a khoản này.

Điều 5. Tỷ lệ chia sẻ phần giảm doanh thu

Tỷ lệ chia sẻ phần giảm doanh thu được xác định như sau:

1. Tỷ lệ chia sẻ của nhà nước không quá 75% tỷ lệ bình quân giữa mức doanh thu bị sụt giảm và doanh thu trong phương án tài chính của dự án trong 3 năm gần nhất. Mức doanh thu bị sụt giảm được xác định bằng doanh thu trong phương án tài chính trừ doanh thu thực tế.

$$\text{Tỷ lệ chia sẻ của nhà nước tối đa} = 75\% \times \sum_{i=1}^n \frac{(a_i - b_i)}{b_i}$$

Trong đó:

a_i : doanh thu trong phương án tài chính năm thứ i .

b_i : doanh thu trong phương án tài chính năm thứ i .

n : là 3 (3 năm gần nhất).

2. Mức vốn nhà nước chia sẻ được xác định bằng tỷ lệ chia sẻ theo quy định tại khoản 1 Điều này nhân với tổng mức đầu tư dự án. Trong đó, tổng mức đầu tư dự án được xác định theo quyết định phê duyệt dự án và không bao gồm phần vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án.

3. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ và mức vốn nhà nước chia sẻ đối với dự án do mình phê duyệt, bảo đảm mức vốn nhà nước không vượt quá tỷ lệ theo quy định tại khoản 2, 2a, 2b Điều 69 Luật PPP.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên khi nhà nước chia sẻ phần giảm doanh thu

Khi nhà nước chia sẻ phần giảm doanh thu theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, các bên có trách nhiệm thực hiện các quy định sau đây:

1. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, giảm lãi suất vốn vay bảo đảm phương án tài chính hiệu quả, không phát sinh tăng phí sử dụng dịch vụ đường bộ so với hợp đồng đã ký, không kéo dài thời gian thu phí so với hợp đồng đã ký;

2. Cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án cập nhật doanh thu, chi phí thực tế của dự án, tính toán phương án trả nợ trong phương án tài chính theo thứ tự ưu tiên: các khoản thuế phải nộp; chi phí quản lý khai thác và bảo trì công trình dự án; trả nợ vốn vay, vốn chủ sở hữu; phần còn lại chi trả lãi vay, lợi nhuận vốn chủ sở hữu;

3. Căn cứ phương án tài chính tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bên cho vay phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án cập nhật, điều chỉnh phương án trả

nợ trong hợp đồng tín dụng bảo đảm không phát sinh dư nợ lãi vay trong năm tính toán và không chuyển nhóm nợ đối với khoản vay của dự án.

4. Trường hợp doanh thu thực tế tăng cao hơn so với doanh thu dự kiến trong phương án tài chính điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này, các bên ký kết hợp đồng cập nhật phương án tài chính để rút ngắn thời gian thu phí hoàn vốn.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thực hiện chia sẻ doanh thu

1. Căn cứ doanh thu thực tế của 03 năm gần nhất do doanh nghiệp dự án, nhà đầu tư báo cáo, cơ quan ký kết hợp đồng dự án và doanh nghiệp dự án, nhà đầu tư thực hiện:

a) Rà soát, đối chiếu doanh thu thực tế của dự án và doanh thu quy định tại hợp đồng dự án;

b) Trường hợp dự án bị giảm doanh thu do thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan của Nhà nước, các bên áp dụng các biện pháp điều chỉnh theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết và thực hiện hợp đồng dự án, tính toán các giải pháp điều chỉnh phí sử dụng dịch vụ nhằm tăng doanh thu, điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án nhằm kéo dài thời gian để thu hồi vốn;

c) Sau khi đã tính toán theo quy định tại điểm b khoản này nhưng doanh thu thực tế của 03 năm gần nhất đạt dưới 75% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP và thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 4 Nghị định này, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án, nhà đầu tư thực hiện rà soát nội dung của hợp đồng dự án đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 99a Luật PPP.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức đàm phán với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay để thực hiện:

a) Tính toán, xác định tỷ lệ và mức vốn nhà nước chia sẻ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Tính toán, xác định mức giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, mức giảm lãi suất vốn vay và dự kiến điều chỉnh phương án trả nợ trong phương án tài chính theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

3. Trường hợp phương án tài chính điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này bảo đảm hiệu quả theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này, doanh nghiệp dự án gửi hồ sơ đến cơ quan ký kết hợp đồng, hồ sơ bao gồm:

a) Thuyết minh báo cáo về các nội dung: Thông tin chung dự án; Quá trình thực hiện hợp đồng; Báo cáo về tỷ lệ sụt giảm doanh thu giữa doanh thu trong phương án tài chính và doanh thu thực tế trong 3 năm gần nhất; Đánh giá nguyên nhân giảm doanh thu; Thuyết minh việc áp dụng các biện pháp điều chỉnh theo quy định của pháp luật, tính toán các giải pháp điều chỉnh giá, phí dịch vụ nhằm tăng doanh thu, điều chỉnh thời hạn hợp đồng, kéo dài thời gian để thu hồi vốn; Xác định tỷ lệ và mức vốn nhà nước chia sẻ theo quy định tại Điều 5 Nghị định

này; Xác định trách nhiệm chia sẻ của Nhà đầu tư, bên cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này; kết quả tính toán phương án tài chính điều chỉnh; các nội dung cần thiết khác (nếu có).

b) Phương án tài chính điều chỉnh;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền về chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt dự án;

d) Hợp đồng dự án (bao gồm cả phương án tài chính và dự kiến doanh thu trong phương án tài chính);

3. Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện rà soát hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp phù hợp với quy định tại Điều 4, 5, 6 Nghị định này, Cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay ký kết biên bản thống nhất xác định tỷ lệ và mức vốn nhà nước chia sẻ, trách nhiệm chia sẻ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này.

4. Cơ quan ký kết hợp đồng gửi văn bản đề nghị Kiểm toán nhà nước kiểm toán phần giảm doanh thu và số tiền Nhà nước chia sẻ phần giảm doanh thu, kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này và Biên bản thống nhất tại khoản 3 Điều này;

5. Căn cứ báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, Cơ quan ký kết hợp đồng báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng chia sẻ phần giảm doanh thu, tỷ lệ và mức vốn nhà nước thực hiện chia sẻ doanh thu.

6. Căn cứ phương án tài chính điều chỉnh, tỷ lệ, mức vốn nhà nước thực hiện chia sẻ doanh thu, trách nhiệm chia sẻ của Nhà đầu tư, bên cho vay, các bên thực hiện điều chỉnh hợp đồng dự án, hợp đồng vay vốn với bên cho vay.

Điều 8. Nguồn vốn, trình tự thanh toán vốn nhà nước thực hiện chia sẻ phần giảm doanh thu

1. Nguồn vốn nhà nước thực hiện chia sẻ phần giảm doanh thu xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 27 và Điều 28, Điều 29 Nghị định số .../2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

2. Nguồn vốn thực hiện chia sẻ doanh thu cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được giải ngân về tài khoản của Doanh nghiệp dự án theo quy định tại Hợp đồng dự án.

Chương III

CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN DỰ ÁN BOT GIAO THÔNG ĐƯỢC KÝ KẾT TRƯỚC NGÀY 01/01/2021

Điều 9. Điều kiện chi trả chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Đối với dự án BOT giao thông, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được chi trả

chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2a Điều 52 Luật PPP khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

1. Dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác tối thiểu 2 năm nhưng nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án không được thu phí để hoàn vốn theo hợp đồng dự án.

2. Dự án bị sụt giảm doanh thu, các bên đã tính toán phương án tài chính điều chỉnh trên cơ sở bổ sung vốn nhà nước chia sẻ doanh thu, giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, giảm lãi suất vốn vay theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này nhưng thời gian thu phí hoàn vốn vẫn kéo dài trên 50 năm.

Điều 10. Chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

1. Chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được xác định trên cơ sở các thông số như sau:

a) Tổng vốn đầu tư xây dựng công trình dự án (bao gồm lãi vay trong giai đoạn xây dựng, không bao gồm vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án) xác định theo giá trị quyết toán và đã giảm trừ khoản thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp dự án được hoàn (nếu có).

b) Chi phí quản lý vận hành và bảo trì công trình dự án xác định theo xác nhận của cơ quan ký kết hợp đồng.

c) Các khoản thuế, phí doanh nghiệp dự án theo thực tế thực hiện sau khi đã khấu trừ khoản thuế giá trị gia tăng theo quy định (nếu có).

d) Doanh thu thu phí dịch vụ và các nguồn thu khác (nếu có) xác định theo xác nhận của cơ quan ký kết hợp đồng.

đ) Chi phí lãi vay trong giai đoạn vận hành, kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn tính bằng tổng chi phí quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều này sau khi khấu trừ doanh thu thu phí và các nguồn thu khác (nếu có) quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Chi phí lãi vay trong giai đoạn vận hành, kinh doanh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này xác định bằng:

Phương án 1: tổng số vốn vay theo hợp đồng dự án PPP nhân với mức lãi suất (xác định bằng 4%/năm). Thời gian tính chi phí lãi vay từ thời điểm công trình dự án đưa vào khai thác đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Phương án 2: tổng chi phí lãi vay Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án đã thanh toán cho ngân hàng tín dụng tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Phương án 3: 0 đồng (không tính lãi vay trong giai đoạn vận hành, kinh doanh trong chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn).

4. Không tính lợi nhuận vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư trong chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Điều 11. Trình tự, thủ tục thanh toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

1. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có văn bản gửi cơ quan ký kết hợp đồng đề nghị chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn, kèm theo Báo cáo về các nội dung:

- a) Thông tin chung dự án, quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Nguyên nhân dẫn đến phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;
- c) Việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- d) Quy định của hợp đồng dự án về trách nhiệm chi trả của cơ quan ký kết hợp đồng trong trường hợp chấm dứt hợp đồng quy định tại điểm a khoản 2a Điều 52 Luật PPP;
- đ) Đề xuất giá trị vốn nhà nước thực hiện bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn xác định theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và đã được kiểm toán độc lập kiểm toán;
- e) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến các chi phí quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 10 Nghị định này và Báo cáo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập;
- g) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện rà soát hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này, Cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay ký kết thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Nghị định số .../2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật PPP.

3. Căn cứ văn bản thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn tại khoản 2 Điều này, cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án sửa đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP, bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

4. Cơ quan ký kết hợp đồng gửi văn bản đề nghị Kiểm toán nhà nước kiểm toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này và Biên bản thỏa thuận tại khoản 2 Điều này.

5. Căn cứ báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, Cơ quan ký kết hợp đồng báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

6. Cơ quan có thẩm quyền báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hoặc bổ sung dự toán vào kế hoạch vốn ngân sách trung ương, địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước. Các hoạt động quy định tại điểm này thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng đối với từng nguồn vốn quy định tại pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước.

7. Hồ sơ pháp lý đối với chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 21 Nghị định số .../2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Xây dựng chủ trì hướng dẫn thực hiện các nội dung cần thiết (nếu có) của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư theo phương thức PPP.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn các nội dung liên quan đến tín dụng ngân hàng khi ngân hàng cung cấp tín dụng dự án PPP thực hiện các quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu; VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính